

KẾ HOẠCH
Nâng cấp, chuẩn hóa hạ tầng số
tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố Huế

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045;
- Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- Kế hoạch số 295-KH/TU ngày 30/6/2025 của Thành ủy Huế về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Công văn số 6439/BKHCN-CDSQG ngày 21/8/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả rà soát, đánh giá tổng thể thực trạng hạ tầng, nền tảng, phần mềm, trang thiết bị đầu cuối của Thành phố Huế.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Từng bước hoàn thiện hạ tầng số đồng bộ, hiện đại phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền địa phương.
- Nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cải cách hành chính.
- Đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.
- Chuẩn hóa trang thiết bị công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn, định mức quy định; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công.
- Hoàn chỉnh các hệ thống thông tin tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Huế, UBND phường, xã; Trung tâm hành chính công thành phố; các Trung tâm hành chính công cấp xã tạo nền tảng đẩy mạnh việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố phục vụ cho nhu cầu công việc của cơ quan, đơn vị tại địa phương.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, tiết kiệm, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

- Ưu tiên sử dụng chung hạ tầng, phần mềm, dịch vụ công nghệ thông tin; kết hợp linh hoạt giữa đầu tư mua sắm và thuê dịch vụ.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, mua sắm tài sản công, quản lý ngân sách nhà nước và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Khai thác hiệu quả nguồn lực ngân sách, đồng thời huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện.

- Triển khai kịp thời, hiệu quả để hiện đại hóa cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố sẵn sàng phục vụ đưa vào khai thác, sử dụng các ứng dụng – nền tảng số phục vụ công việc tại địa phương.

III. HIỆN TRẠNG

Theo số liệu khảo sát của Sở Tài chính báo cáo tại Công văn số 7383/STC-HCSN ngày 28/7/2026 báo cáo nhu cầu đầu tư, mua sắm, nâng cấp trang thiết bị đầu cuối. Nhu cầu đầu tư, mua sắm, nâng cấp trang thiết bị đầu cuối của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã cụ thể như sau:

1. Máy tính và cài đặt ký số

a) Tổng số máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số là 6.513 máy. Trong đó:

- Đáp ứng tiêu chí: 2.370 máy (36,39%);
- Chưa đáp ứng tiêu chí: 4.143 máy (63,61%).

b) Tình hình cài đặt ký số như sau:

- Cài đặt và đã thực hiện ký số: 3.425 máy (52,6%);
- Chưa cài đặt và chưa thực hiện ký số: 3.088 máy (47,4%).

2. Một số thiết bị đầu cuối cơ bản

Tổng số thiết bị đầu cuối làm việc thường xuyên trên môi trường số là 1.068 thiết bị như (máy tính bảng, máy in, máy photo, máy scan), cụ thể:

- Đáp ứng tiêu chí: 590 thiết bị (55,24%);
- Chưa đáp ứng tiêu chí: 478 thiết bị (44,76%).

3. Thiết bị hệ thống hội nghị truyền hình

Số lượng phòng họp hội nghị truyền hình (HNTH) là 63 phòng họp.

- Đáp ứng tiêu chí của hệ thống HNTH: 49 phòng (77,78%);
- Chưa đáp ứng tiêu chí của hệ thống HNTH: 14 phòng (22,22%).

(Chi tiết tại Phụ lục I, II đính kèm)

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị CNTT đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn thông tin, đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Khắc phục toàn diện các tiêu chí chưa đạt về chuyển đổi số và an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Huế; bảo đảm hạ tầng, thiết bị,

phần mềm, hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền số, phục vụ chỉ đạo điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm an toàn thông tin theo quy định.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Năm 2027

- 100% máy tính được cài đặt và sử dụng ký số.
- 100% máy tính được cài đặt phần mềm tiện ích và cấu hình bảo đảm yêu cầu.
- 100% các đơn vị có mạng LAN/WAN tốc độ cao, bảo đảm an toàn thông tin.
- Đầu tư 75% máy tính cho cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu làm việc trên môi trường số.
- Đầu tư 75% thiết bị đầu cuối làm việc thường xuyên trên môi trường số như (máy tính bảng, máy in, máy photo, máy scan) đáp ứng yêu cầu làm việc trên môi trường số.
- 100% cơ quan, đơn vị có hệ thống hội nghị truyền hình phục vụ chỉ đạo điều hành đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật.
- 100% trung tâm dữ liệu, hệ thống máy chủ được phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.

b) Năm 2028

- 100% máy tính cho cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu làm việc trên môi trường số.
- 100% thiết bị đầu cuối làm việc thường xuyên trên môi trường số như (máy tính bảng, máy in, máy photo, máy scan) đáp ứng yêu cầu làm việc trên môi trường số.
- Xây dựng, nâng cấp và đưa vào hoạt động có hiệu quả Trung tâm dữ liệu và Trung tâm SOC đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo mật.

V. NHIỆM VỤ, NỘI DUNG TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI

1. Rà soát, chuẩn hóa danh mục thiết bị, phần mềm; xây dựng lộ trình thay thế, nâng cấp máy tính, thiết bị đầu cuối chưa đáp ứng tiêu chí. Việc đầu tư, mua sắm thiết bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố phải bảo đảm theo quy định của pháp luật.

2. Triển khai đồng bộ chữ ký số cá nhân, tổ chức; cài đặt phần mềm tiện ích, phần mềm an toàn thông tin đầu cuối.

3. Rà soát, hoàn thiện hồ sơ cấp độ an toàn thông tin cho trung tâm dữ liệu, hệ thống máy chủ và hệ thống thông tin; triển khai các giải pháp bảo mật theo quy định.

4. Đầu tư, nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến và hệ thống họp trực tuyến tại các điểm cầu, các cơ quan, đơn vị.

5. Trang bị thiết bị hiện đại, triển khai nền tảng đặt lịch, lấy số tự động tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

6. Xây dựng, nâng cấp trung tâm dữ liệu tập trung, hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC), tường lửa, giải pháp sao lưu dữ liệu.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường vai trò, trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện nâng cấp, chuẩn hóa hạ tầng số.

2. Bảo đảm phối hợp liên ngành, liên cấp trong triển khai các nhiệm vụ; ưu tiên thuê dịch vụ số, sử dụng nền tảng dùng chung.

3. Ưu tiên nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và huy động nguồn lực xã hội hóa, hợp tác công tư trong đầu tư, triển khai thực hiện.

4. Đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền, đào tạo, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Ngân sách địa phương (chi thường xuyên và chi đầu tư công); ngân sách trung ương hỗ trợ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW; nguồn xã hội hóa, thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các nguồn hợp pháp khác.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chịu trách nhiệm về nội dung, danh mục các trang thiết bị, kiểm soát về định hướng chiến lược, sự phù hợp với quy hoạch và quy định của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí ngân sách nhà nước.

- Ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai bảo đảm đưa vào khai thác, sử dụng có hiệu quả.

- Triển khai mạng số liệu chuyên dùng tập trung cho các cơ quan, đơn vị để bảo đảm hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến hoạt động ổn định.

- Định kỳ 6 tháng, hằng năm tổng hợp báo cáo kết quả UBND thành phố xem xét, chỉ đạo.

2. Sở Tài chính

- Trên cơ sở báo cáo về nhu cầu kinh phí của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan và căn cứ khả năng cân đối ngân sách hằng năm, rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

- Thực hiện mua sắm tập trung theo danh mục hàng hóa mua sắm tập trung được UBND thành phố quy định.

3. Công an thành phố

Chủ trì rà soát, triển khai các hạng mục đầu tư, mua sắm trang thiết bị để hoàn thiện triển khai Trung tâm SOC thành phố Huế; phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ trong giám sát, bảo đảm an toàn thông tin mạng.

4. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp, UBND các phường, xã

- Phối hợp Sở Tài chính thực hiện việc mua sắm tập trung đối với trang thiết bị thuộc hàng hóa thuộc danh mục mua sắm tập trung được cấp có thẩm quyền quy định theo nội dung đề xuất tại các phụ lục kèm theo.

- Triển khai mua sắm trang thiết bị thuộc loại hàng hóa, tài sản không thuộc danh mục mua sắm tập trung theo thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao dự toán và các quy định pháp luật có liên quan.

- Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức thực hiện cài đặt và sử dụng chữ ký số, cài đặt phần mềm tiện ích và cấu hình bảo đảm yêu cầu, bảo đảm an toàn thông tin.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc và cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Công an;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục CĐS Quốc gia - Bộ KHCN;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố;
- Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố;
- UBND các phường, xã;
- VP UBND thành phố: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, TTr.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hữu Thùy Giang

Phụ lục I
TỔNG HỢP NHU CẦU CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THÀNH PHỐ
(Kèm theo Kế hoạch số 573 /KH-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2026 của UBND thành phố Huế)

STT	Nội dung/ Danh mục	Số lượng thiết bị hiện có				Tổng số thiết bị cần nâng cấp, thay thế
		Cộng	Đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn, có thể sử dụng/nâng cấp	Không thể nâng cấp, cần thay thế	
		l=1a+1b+1c	1a	1b	1c	
	Tổng					
I	Máy vi tính để bàn	2,868	1,180	947	741	1,688
II	Máy tính xách tay	325	108	109	108	217
III	Máy photocopy	21	5	4	12	16
IV	Máy in	377	171	89	117	206
V	Máy Scan tài liệu	44	33	3	8	11
VI	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	23	23	0	0	
1	Văn phòng UBND thành phố	3	3			
a	Máy vi tính để bàn	95	26	47	22	69
b	Máy tính xách tay	16	1		15	15
c	Máy in	75	75			0
d	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	3	3			
2	Sở Công Thương					
a	Máy tính xách tay	6	4		2	2
b	Máy in	16	11		5	5

c	Máy scan	2	1		1	1
d	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1		0	0
3	Sở Khoa học và Công nghệ					
a	Máy vi tính để bàn	112	33	41	38	79
b	Máy tính xách tay	11	3	8		8
c	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	2	2			0
4	Sở Giáo dục và Đào tạo					
a	Máy vi tính để bàn	46	12		34	34
b	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	2	2			0
5	Sở Nội vụ					
a	Máy vi tính để bàn	170	56	45	69	114
b	Máy tính xách tay	4			4	4
c	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	2	2			0
6	Sở Ngoại vụ					
a	Máy vi tính để bàn	34	13		21	21
b	Máy tính xách tay	5	1		4	4
c	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1			0
7	Sở Tư pháp					0
a	Máy vi tính để bàn	47			47	47
b	Máy tính xách tay	7			7	7
c	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1			0
8	Sở Xây dựng					
a	Máy vi tính để bàn	63	21	22	20	42
b	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	2	2			0
9	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch					
a	Máy vi tính để bàn	266	98	43	125	168

b	Máy tính xách tay	38	16	7	15	22
c	Máy photocopy	11	4	1	6	7
d	Máy in	46	26		20	20
e	Máy Scan tài liệu	8	7		1	1
f	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	2	2			0
10	Sở Tài chính					
a	Máy vi tính để bàn	93	86		7	7
b	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	2	2			0
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường					
a	Máy vi tính để bàn	356	44	221	91	312
b	Máy tính xách tay	88	3	55	30	85
c	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	2	2			0
12	Sở Y tế					0
a	Máy vi tính để bàn	1,491	695	550	246	796
b	Máy tính xách tay	146	80	39	27	66
c	Máy photocopy	10	1	3	6	9
d	Máy in	240	59	89	92	181
e	Máy Scan tài liệu	34	25	3	6	9
f	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	2	2			0
13	Thanh tra thành phố					0
a	Máy vi tính để bàn	125	117		8	8
b	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	2	2			0
14	Ban Quản lý Khu kinh tế công nghiệp					0
a	Máy vi tính để bàn	33			33	33
b	Máy tính xách tay	4			4	4
c	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1			0

Phụ lục II
TỔNG HỢP NHU CẦU CỦA CÁC PHƯỜNG, XÃ
(Kèm theo Kế hoạch số 573 /KH-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2026 của UBND thành phố Huế)

STT	Nội dung	Số lượng thiết bị hiện có				Tổng số thiết bị cần nâng cấp, thay thế
		Cộng	Trong đó			
			Đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn, có thể sử dụng/ nâng cấp	Không thể nâng cấp, cần thay thế	
1	2	1=1a+1b+1c	1a	1b	1c	
	TỔNG HỢP					
I	Máy vi tính để bàn	2,810	839	611	1,360	1,971
II	Máy tính xách tay	510	243	75	192	267
III	Máy tính bảng	165	111	16	38	54
IV	Máy Scan tài liệu	321	191	39	91	130
V	Máy Photocopy	140	79	17	44	61
VI	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	40	26	14	-	14
1	Phường Phong Điền					-
a	Máy vi tính để bàn	91	3	52	36	88
b	Máy tính xách tay	9	5	2	2	4
c	Máy tính bảng	-	-	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	11	6	-	5	5
đ	Máy Photocopy	4	3	-	1	1

e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1			-
2	Phường Phong Thái					-
a	Máy vi tính để bàn	62	21	-	41	41
b	Máy tính xách tay	7	2	1	4	5
c	Máy tính bảng	8	-	-	8	8
d	Máy Scan tài liệu	11	-	-	11	11
đ	Máy Photocopy	4	2	-	2	2
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
3	Phường Phong Dinh					-
a	Máy vi tính để bàn	59	21	21	17	38
b	Máy tính xách tay	10	4	2	4	6
c	Máy tính bảng	-	-	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	5	5	-	-	-
đ	Máy Photocopy	4	3	-	1	1
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
4	Phường Phong Phú					-
a	Máy vi tính để bàn	97	17	59	21	80
b	Máy tính xách tay	10	8	2	-	2
c	Máy tính bảng	-	-	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	8	8	-	-	-
đ	Máy Photocopy	6	5	-	1	1
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-

5	Phường Phong Quang					-
a	Máy vi tính để bàn	75	50	-	25	25
b	Máy tính xách tay	14	11	-	3	3
c	Máy tính bảng	4	4	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	7	4	-	3	3
đ	Máy Photocopy	5	1	-	4	4
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	-	1	-	1
6	Xã Đan Điền					-
a	Máy vi tính để bàn	102	70	13	19	32
b	Máy tính xách tay	10	9	-	1	1
c	Máy tính bảng	26	23	-	3	3
d	Máy Scan tài liệu	1	1	-	-	-
đ	Máy Photocopy	-	-	-	-	-
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
7	Xã Quảng Điền					-
a	Máy vi tính để bàn	120	38	14	68	82
b	Máy tính xách tay	28	15	1	12	13
c	Máy tính bảng	21	14	-	7	7
d	Máy Scan tài liệu	21	14	-	7	7
đ	Máy Photocopy	7	6	1	-	1
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
8	Phường Hương Trà					-

a	Máy vi tính để bàn	91	7	41	43	84
b	Máy tính xách tay	9	7	1	1	2
c	Máy tính bảng	1	1	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	14	14	-	-	-
đ	Máy Photocopy	7	5	1	1	2
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	-	1	-	1
9	Phường Kim Trà					-
a	Máy vi tính để bàn	77	14	17	46	63
b	Máy tính xách tay	3	2	-	1	1
c	Máy tính bảng	-	-	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	6	5	1	-	1
đ	Máy Photocopy	2	1	-	1	1
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
10	Xã Bình Điền					-
a	Máy vi tính để bàn	91	6	15	70	85
b	Máy tính xách tay	3	2	-	1	1
c	Máy tính bảng	4	3	1	-	1
d	Máy Scan tài liệu	12	6	5	1	6
đ	Máy Photocopy	7	5	1	1	2
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
11	Phường Kim Long					-
a	Máy vi tính để bàn	60	22	20	18	38
b	Máy tính xách tay	-	-	-	-	-

c	Máy tính bảng	-	-	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	4	4	-	-	-
đ	Máy Photocopy	1	-	-	1	1
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	-	1	-	1
12	Phường Hương An					-
a	Máy vi tính để bàn	35	4	-	31	31
b	Máy tính xách tay	4	4	-	-	-
c	Máy tính bảng	-	-	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	-	-	-	-	-
đ	Máy Photocopy	-	-	-	-	-
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
13	Phường Phú Xuân					-
a	Máy vi tính để bàn	153	113	1	39	40
b	Máy tính xách tay	39	13	13	13	26
c	Máy tính bảng	-	-	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	32	17		15	15
đ	Máy Photocopy	6	6	-	-	-
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
14	Phường Thuận An					-
a	Máy vi tính để bàn	43	22	17	4	21
b	Máy tính xách tay	2	2	-	-	-
c	Máy tính bảng	-	-	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	2	1	-	1	1

đ	Máy Photocopy	2	-	1	1	2
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
15	Phường Hóa Châu					-
a	Máy vi tính để bàn	74	3	6	65	71
b	Máy tính xách tay	13	8	-	5	5
c	Máy tính bảng	-	-	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	9	6	3	-	3
đ	Máy Photocopy	4	4	-	-	-
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	-	1	-	1
16	Phường Dương Nỗ					-
a	Máy vi tính để bàn	53	26	8	19	27
b	Máy tính xách tay	11	11	-	-	-
c	Máy tính bảng	-	-	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	10	8	2	-	2
đ	Máy Photocopy	6	4	1	1	2
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
17	Phường Mỹ Thượng					-
a	Máy vi tính để bàn	75	6	36	33	69
b	Máy tính xách tay	9	3	4	2	6
c	Máy tính bảng	-	-	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	17	3	10	4	14
đ	Máy Photocopy	-	-	-	-	-

e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
18	Phường Võ Dạ					-
a	Máy vi tính để bàn	-				-
b	Máy tính xách tay	-				-
c	Máy tính bảng	-				-
d	Máy Scan tài liệu	-				-
đ	Máy Photocopy	-				-
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1			-
19	Phường Thuận Hóa					-
a	Máy vi tính để bàn	103	42	30	31	61
b	Máy tính xách tay	2	2	-	-	-
c	Máy tính bảng	-	-	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	-	-	-	-	-
đ	Máy Photocopy	-	-	-	-	-
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
20	Phường An Cựu					-
a	Máy vi tính để bàn	83	24	21	38	59
b	Máy tính xách tay	7	5	-	2	2
c	Máy tính bảng	4	2	1	1	2
d	Máy Scan tài liệu	3	2	1		1
đ	Máy Photocopy	1	-	1		1
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-

21	Phường Thủy Xuân					-
a	Máy vi tính để bàn	-				-
b	Máy tính xách tay	-				-
c	Máy tính bảng	-				-
d	Máy Scan tài liệu	-				-
đ	Máy Photocopy	-				-
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1			-
22	Xã Phú Vinh					-
a	Máy vi tính để bàn	49	12	15	22	37
b	Máy tính xách tay	12	8	2	2	4
c	Máy tính bảng	1	1	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	4	4	-	-	-
đ	Máy Photocopy	1	1	-		-
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
23	Xã Phú Hồ					-
a	Máy vi tính để bàn	46	13	5	28	33
b	Máy tính xách tay	8	4	-	4	4
c	Máy tính bảng	2	-	-	2	2
d	Máy Scan tài liệu	7	5	-	2	2
đ	Máy Photocopy	-	-	-	-	-
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	-	1	-	1
24	Xã Phú Vang					-
a	Máy vi tính để bàn	89	41	29	19	48

b	Máy tính xách tay	9	8	-	1	1
c	Máy tính bảng	12	9	3	-	3
d	Máy Scan tài liệu	7	2	4	1	5
đ	Máy Photocopy	6	1	1	4	5
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	-	1	-	1
25	Phường Thanh Thủy					-
a	Máy vi tính để bàn	75	6	17	52	69
b	Máy tính xách tay	11	3	3	5	8
c	Máy tính bảng	-	-	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	2	2	-	-	-
đ	Máy Photocopy	1	1	-	-	-
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	-	1		1
26	Phường Hương Thủy					-
a	Máy vi tính để bàn	106	24	4	78	82
b	Máy tính xách tay	12	4	-	8	8
c	Máy tính bảng	4	4	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	7	6	-	1	1
đ	Máy Photocopy	3	1	-	2	2
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	-	1	-	1
27	Phường Phú Bài					-
a	Máy vi tính để bàn	94	14	10	70	80
b	Máy tính xách tay	4	1	-	3	3
c	Máy tính bảng	-	-	-	-	-

d	Máy Scan tài liệu	1	-	-	1	1
đ	Máy Photocopy	7	1	1	5	6
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
28	Xã Vinh Lộc					-
a	Máy vi tính để bàn	81	4	6	71	77
b	Máy tính xách tay	11	2	-	9	9
c	Máy tính bảng	15	7	-	8	8
d	Máy Scan tài liệu	10	3	1	6	7
đ	Máy Photocopy	7	2	2	3	5
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	-	1	-	1
29	Xã Hưng Lộc					-
a	Máy vi tính để bàn	61	19	10	32	42
b	Máy tính xách tay	7	6	1	-	1
c	Máy tính bảng	4	2	2	-	2
d	Máy Scan tài liệu	9	9	-	-	-
đ	Máy Photocopy	4	2	-	2	2
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	-	1	-	1
30	Xã Lộc An					-
a	Máy vi tính để bàn	61	29	8	24	32
b	Máy tính xách tay	1	1	-	-	-
c	Máy tính bảng	-	-	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	3	3	-		-
đ	Máy Photocopy	1	-	-	1	1

e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
31	Xã Phú Lộc					-
a	Máy vi tính để bàn	102	27	37	38	75
b	Máy tính xách tay	18	4	7	7	14
c	Máy tính bảng	7	5	-	2	2
d	Máy Scan tài liệu	13	6	2	5	7
đ	Máy Photocopy	8	4	1	3	4
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
32	Xã Chân Mây - Lăng Cô					-
a	Máy vi tính để bàn	93	27	19	47	66
b	Máy tính xách tay	14	8	-	6	6
c	Máy tính bảng	7	6	-	1	1
d	Máy Scan tài liệu	14	11	-	3	3
đ	Máy Photocopy	7	5	-	2	2
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	-	1	-	1
33	Xã Long Quảng					-
a	Máy vi tính để bàn	76	21	11	44	55
b	Máy tính xách tay	35	15	4	16	20
c	Máy tính bảng	16	12	-	4	4
d	Máy Scan tài liệu	17	8	6	3	9
đ	Máy Photocopy	5	3	-	2	2

e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	-	1	-	1
34	Xã Nam Đông					-
a	Máy vi tính để bàn	56	10	13	33	46
b	Máy tính xách tay	20	7	1	12	13
c	Máy tính bảng	16	12	4	-	4
d	Máy Scan tài liệu	5	2	-	3	3
đ	Máy Photocopy	6	5	-	1	1
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
35	Xã Khe Tre					-
a	Máy vi tính để bàn	88	2	41	45	86
b	Máy tính xách tay	1	-	-	1	1
c	Máy tính bảng	2	2	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	12	10	-	2	2
đ	Máy Photocopy	6	5	-	1	1
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
36	Xã A Lưới 1					-
a	Máy vi tính để bàn	61	28	18	15	33
b	Máy tính xách tay	31	15	10	6	16
c	Máy tính bảng	4	-	4	-	4
d	Máy Scan tài liệu	7	4	2	1	3
đ	Máy Photocopy	4	1	2	1	3
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1		1	-	1

37	Xã A Lưới 2					-
a	Máy vi tính để bàn	72	12	10	50	60
b	Máy tính xách tay	38	7	1	30	31
c	Máy tính bảng	-	-	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	13	-	1	12	13
đ	Máy Photocopy	5	1	3	1	4
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
38	Xã A Lưới 3					-
a	Máy vi tính để bàn	73	10	39	24	63
b	Máy tính xách tay	39	11	22	6	28
c	Máy tính bảng	4	2	1	1	2
d	Máy Scan tài liệu	8	6	1	1	2
đ	Máy Photocopy	2	-	1	1	2
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	-	1	-	1
39	Xã A Lưới 4					-
a	Máy vi tính để bàn	57	26	-	31	31
b	Máy tính xách tay	39	18	-	21	21
c	Máy tính bảng	1	-	-	1	1
d	Máy Scan tài liệu	7	4	-	3	3
đ	Máy Photocopy	1	1	-	-	-
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-
40	Xã A Lưới 5					-
a	Máy vi tính để bàn	17	8	-	9	9

b	Máy tính xách tay	19	13	-	6	6
c	Máy tính bảng	2	2	-	-	-
d	Máy Scan tài liệu	2	2	-	-	-
đ	Máy Photocopy	-	-	-	-	-
e	Thiết bị đầu cuối hệ thống truyền hình	1	1	-	-	-